ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 168 /TTr-UBND	*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2018*

TỜ TRÌNH
Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Signature Not Verified
Thời gian ký: 20/11/2018 09:02 AM

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 7 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XV, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố như sau:

I. Danh mục quy định về nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm:

1. Quy định nội dung, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã.

2. Quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội.

3. Quy định nội dung chi, mức chi cho các kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do thành phố Hà Nội đăng cai tổ chức.

4. Quy định mức hỗ trợ hàng năm đối với các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Quy định chế độ điều dưỡng đối với người có công với cách mạng từ 80 tuổi trở lên hai năm một lần, trong năm không thực hiện chính sách điều dưỡng của Trung ương.

6. Quy định nội dung và mức tặng quà của thành phố Hà Nội tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên Đán; kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7 và Ngày Quốc khánh 02/9.

7. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa.

8. Quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao.

II. Nguyên tắc chung xây dựng nội dung, mức chi

1. Các nội dung, mức chi đảm bảo theo đúng quy định của Trung ương và thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Kế thừa một số nội dung và mức chi đang quy định của Thành phố hiện nay còn phù hợp.

3. Các mức chi đề xuất phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách các cấp.

(Nguyên tắc cụ thể của từng quy định theo Tờ trình của các Sở gửi kèm)

III. Quy định cụ thể một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố:

1. Quy định nội dung, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã

1.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Hiện nay, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội đã được hưởng chế độ quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTC-UBMTTQVN ngày 03/01/2008 của Bộ Tài chính - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đã được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội. Ngày 30/3/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 35/2018/TT-BTC quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trong đó bổ sung chế độ mức chi đảm bảo hoạt động của Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện.

Tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 35/2018/TT-BTC quy định: "*Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Khoản 1, 3 Điều 5 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Khoản 1, 3 Điều 5 Thông tư này*".

Vì vậy, việc trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về việc mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã là cần thiết.

1.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã.

b. Đối tượng áp dụng:

Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã.

1.3. Đề xuất cụ thể

a. Đối với mức chi hỗ trợ hoạt động hàng tháng cho lãnh đạo Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội: UBND Thành phố đề nghị áp dụng mức chi tối đa theo quy định tại Điểm b Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 35/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. Mức chi tương đương với mức chi quy định tại Điểm c Khoản 2 Phần II của Thông tư số 03/2008/TTLT-BTC-UBMTTQVN ngày 03/01/2008 của Bộ Tài chính - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cụ thể:

+ Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn: Bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

+ Phó chủ nhiệm Hội đồng tư vấn: Bằng 0,8 lần mức lương cơ sở.

b. Đối với mức chi cho lãnh đạo Ban Tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, huyện, thị xã: UBND Thành phố đề xuất bằng 120% mức chi tối đa của Thông tư số 35/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính, cụ thể:

+ Mức chi cho Trưởng Ban tư vấn: 0,18 lần mức lương cơ sở.

+ Mức chi cho Phó Trưởng Ban tư vấn: 0,12 lần mức lương cơ sở.

c. Đối với mức chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản:

- Cấp Thành phố: Mức chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản: UBND Thành phố đề xuất áp dụng mức chi tối đa đối với cấp Thành phố quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 35/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính là: 500.000 đồng/văn bản hoặc báo cáo.

- Quận, huyện, thị xã: Mức chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản: UBND Thành phố đề xuất mức chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản cấp huyện là: 300.000 đồng/văn bản hoặc báo cáo.

1.4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a. Nguồn kinh phí thực hiện: Bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và quận, huyện, thị xã theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện: Dự kiến với mức chi nêu trên, tổng kinh phí để thực hiện hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã hàng năm là: 970 triệu đồng, trong đó:

- Cấp Thành phố là: 297 triệu đồng.

- Quận, huyện, thị xã : 673 triệu đồng.

1.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

(Chi tiết tại Tờ trình số 7377/TTrLN:UBMTTQVNTPHN-STC ngày 24/10/2018 của liên ngành: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội - Sở Tài chính)

2. Quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội.

2.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Thực hiện Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 quy định quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là CBCC, viên chức) của thành phố Hà Nội, đảm bảo nguyên tắc quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính.

Ngày 30/3/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 36/2018/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức, thay thế Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính; trong đó, tại Khoản 5 Điều 8 quy định: *"Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương"*.

Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội là cần thiết, làm cơ sở tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

2.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

- Quy định này quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội.

- Các nội dung khác về lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.

b. Đối tượng áp dụng:

- Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;

- Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc Thành phố; công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;

- Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

- Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố;

- Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Các đối tượng đào tạo bồi dưỡng khác theo Chương trình, Kế hoạch, Đề

án được duyệt và văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền..

2.3. Đề xuất cụ thể

2.3.1. Nội dung chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức và đối tượng khác:

Nghị quyết quy định đầy đủ các nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính. Ngoài ra, căn cứ thực tế triển khai tại địa phương trong thời gian qua, đồng thời để đảm bảo chế độ cho học viên, UBND Thành phố đề xuất quy định bổ sung 03 nội dung chi thực tế đang triển khai tại Thành phố do các cơ sở bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng thực hiện do các đối tượng trên không thuộc biên chế của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; cụ thể:

- Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo.

- Chi hỗ trợ một phần tiền ăn; Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ cho các đối tượng bổ sung theo đặc thù của Thành phố trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo.

- Chi trả tiền phương tiện đưa, đón và hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên đồng chủ nhiệm, cán bộ quản lý lớp học (nếu có) trong những ngày đi khảo sát, thực tế.

Đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; các nội dung chi trên do cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng chi theo quy định.

2.3.2. Về mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng:

- Đối với những nội dung chi tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC quy định mức chi thanh toán theo hóa đơn thực tế: Thực hiện theo quy định của Thông tư.

- Đối với những nội dung chi tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC quy định mức chi áp dụng theo mức chi tại một số văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương: Thực hiện theo các quy định của Trung ương và các Nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành quy định cụ thể các mức chi theo thẩm quyền.

- Đối với những nội dung chi tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC quy định mức chi tối đa: Áp dụng mức chi tối đa theo quy định của Thông tư. Riêng đối với chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, quy định các mức chi cụ thể tùy theo đối tượng giảng viên, đảm bảo không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC; cụ thể:

+ Giảng viên, báo cáo viên là Bí thư Thành ủy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND và UBND Thành phố và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/buổi.

+ Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Ủy viên Ban Thường vụ Thành uỷ, Phó Chủ tịch HĐND và UBND Thành phố và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; giảng viên cao cấp; chuyên viên cao cấp; Tiến sỹ khoa học: 1.600.000 đồng/người/buổi.

+ Giảng viên, báo cáo viên là Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính: 1.200.000 đồng/người/buổi.

+ Giảng viên, báo cáo viên còn lại là CBCC, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên): 1.000.000 đồng/người/buổi.

+ Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ công chức cấp huyện thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý: 1.000.000 đồng/người/buổi.

+ Giảng viên, báo cáo viên còn lại là CBCC, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện trở xuống (ngoài đối tượng ở cấp huyện nêu trên): 600.000 đồng/người/buổi.

Ngoài ra, quy định bổ sung 04 mức chi đặc thù chưa được quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC nhưng thực tế Thành phố đang triển khai trong giai đoạn vừa qua bao gồm:

- Chi thù lao giảng viên nước ngoài.

- Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố và các đối tượng bổ sung theo đặc thù của Thành phố trong những ngày học đi tập trung tại cơ sở đào tạo.

- Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố và các đối tượng bổ sung theo đặc thù của Thành phố trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo.

- Chi trả tiền phương tiện đưa, đón và hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên đồng chủ nhiệm, cán bộ quản lý lớp học (nếu có) trong những ngày đi khảo sát, thực tế: Các mức chi xây dựng theo nguyên tắc đã được áp dụng trong giai đoạn trước Thành phố đã và đang triển khai.

2.4. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện:

a. Nguồn kinh phí:

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố và các đối tượng bổ sung theo đặc thù của Thành phố được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán

bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện: dự kiến với mức chi nêu trên, tổng kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội hàng năm là 284.042 triệu đồng (trong đó, ngân sách cấp Thành phố là 190.918 triệu đồng, ngân sách cấp huyện là 93.124 triệu đồng).

2.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

(Chi tiết tại Tờ trình số 7476/TTrLS:TC-NV ngày 29/10/2018 của liên Sở: Tài chính – Nội vụ).

3. Quy định nội dung chi, mức chi cho các kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do thành phố Hà Nội đăng cai tổ chức

3.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

a. Sự cần thiết:

Thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện của Đảng và Nhà nước, Thủ đô Hà Nội là địa phương diễn ra các hoạt động quốc tế đối ngoại của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Đối với lĩnh vực giáo dục, năm 2018, thành phố Hà Nội đã tổ chức kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế, cụ thể là kỳ thi Toán học Hà Nội mở rộng (viết tắt là kỳ thi HOMC). Kỳ thi HOMC được tổ chức lần thứ 15 với sự tham gia của học sinh đến từ 09 quốc gia và 23 tỉnh, thành trên cả nước. Trong các năm tiếp theo, Hà Nội dự kiến sẽ đăng cai tổ chức kỳ thi Olympic Toán và Khoa học quốc tế (IMSO 2019) lần thứ 16, Olympic Khoa học trẻ quốc tế (IJSO), kỳ thi Toán học trẻ quốc tế (IMC), Olympic Toán châu Á - Thái Bình Dương (APMOPS), Olympic Quốc tế về Thiên văn học và Vật lý thiên văn (IOAA)...

Hiện nay, Trung ương và Thành phố chưa có quy định cụ thể về nội dung chi, mức chi cho các kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do địa phương đăng cai tổ chức; để đảm bảo cơ chế tài chính cho các kỳ thi nêu trên, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết *"Quy định nội dung chi, mức chi cho các kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do thành phố Hà Nội đăng cai tổ chức"* là cần thiết.

b. Về thẩm quyền ban hành quy định:

Căn cứ Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế -*

xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.

Thẩm quyền quy định nội dung chi, mức chi cho các kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do thành phố Hà Nội đăng cai tổ chức sẽ do HĐND Thành phố quyết định.

3.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung chi, mức chi cho các kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do thành phố Hà Nội đăng cai tổ chức.

b. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức kỳ thi.

3.3. Đề xuất cụ thể

Kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế có quy mô, phạm vi và tính chất như kỳ thi quốc tế từ khâu ra đề, chấm thi, công tác tổ chức thi. Phương thức tổ chức kỳ thi đã tiệm cận quy trình, có tính chất tương tự như các kỳ thi quốc tế đã được tổ chức tại Việt Nam như kỳ thi Olympic Sinh học quốc tế lần thứ 27 năm 2016; kỳ thi Olympic Vật lý Châu Á lần thứ 19 năm 2018.

Để có cơ sở triển khai và đảm bảo cơ chế tài chính cho kỳ thi, UBND Thành phố đề xuất mức chi cho các kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế vận dụng bằng mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BTC ngày 12/02/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với kỳ thi Vật lý Châu Á lần thứ 19 năm 2018 tại Việt Nam và các văn bản có liên quan.

3.4. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách Nhà nước cấp.

- Nguồn thu từ các quan sát viên quốc tế, đoàn đi thêm (nếu có) được thực hiện theo Điều lệ của các kỳ thi.

- Các khoản đóng góp, ủng hộ tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Kinh phí tổ chức kỳ thi HOMC có sự tham gia của học sinh quốc tế năm 2019 dự kiến 10.000 triệu đồng; kinh phí tổ chức kỳ thi IMSO 2019 dự kiến 32.000 triệu đồng. Ngoài ra, căn cứ vào quy mô, tính chất của từng kỳ thi trong những năm tới sẽ có phương án tính toán kinh phí cụ thể.

3.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

(Chi tiết tại Tờ trình số 4735/TTrLS:GDĐT-STC ngày 29/10/2018 của liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính)

4. Quy định mức hỗ trợ hàng năm đối với các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội

4.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

- Thông báo số 1206-TB/TU ngày 16/3/2018 của Thành uỷ Hà Nội thông báo kết luận của Thường trực Thành uỷ, trong đó giao Ban cán sự Đảng UBND Thành phố chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu, đề xuất việc tăng mức trợ cấp hàng năm cho các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội, báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Thành uỷ, trình HĐND Thành phố.

- Hiện nay, mức hỗ trợ kinh phí hoạt động hàng năm của các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn Thành phố được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 01/04/2011 của UBND Thành phố về việc phê duyệt mức hỗ trợ hoạt động hàng năm của các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Từ năm 2011 đến nay, quy định có sự thay đổi về mức lương cơ bản, mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công (tăng khoảng 1,7 lần so với năm 2011).

- Căn cứ Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.*

Vì vậy, để tiếp tục thực hiện hỗ trợ hàng năm đối với các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội; việc trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết *"Quy định mức hỗ trợ hàng năm đối với các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội"* là cần thiết và thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

4.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động hàng năm của Đại diện các Ban liên lạc tù chính trị thành phố Hà Nội; mức hỗ trợ kinh phí hàng năm, các năm chẵn và năm tròn đối với các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng

* Ban Đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đày thành phố Hà Nội.

* Các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội (14 Ban), bao gồm: Nhà tù Côn Đảo; Nhà tù Sơn La; Nhà tù Khám lớn Sài Gòn; Nhà tù Hỏa Lò; Nhà tù Nhà Tiền; Nhà tù Thanh Liệt; Nhà tù Nhà Rượu Gia Lâm; Nhà tù Sở Mật thám; Nhà tù Quảng Nam Đà Nẵng; Nhà tù Thừa Thiên Huế; Nhà tù Hanh Thông Tây; Nhà tù Cam Ranh; Nhà tù Phú Quốc; Nhà tù căng 41.

4.3. Đề xuất cụ thể

(1) Giữ nguyên 02 mức hỗ trợ tại Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 01/04/2011 của UBND Thành phố, gồm:

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Đại diện các Ban liên lạc tù chính trị Hà Nội (nay là Ban Đại diện chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày thành phố Hà Nội), mức hỗ trợ: 30.000.000 đồng/năm.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của các Ban liên lạc tù chính trị tổ chức kỷ niệm vào các năm chẵn và năm tròn, mức chi: 100.000 đồng/hội viên (ngoài mức hỗ trợ hàng năm cho hoạt động của các hội viên Ban liên lạc).

(2) Đề nghị tăng mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của các Ban liên lạc tù chính trị Hà Nội từ 300.000 đồng/hội viên/năm lên 500.000 đồng/hội viên/năm

4.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện: Ngân sách Thành phố hàng năm.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện: 945 triệu đồng.

4.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

(Chi tiết tại Tờ trình số 3569/ TTrLS:LĐTBXH-TC ngày 31/10/2018 của liên Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội - Tài chính)

5. Quy định chế độ điều dưỡng đối với người có công với cách mạng từ 80 tuổi trở lên hai năm một lần, trong năm không thực hiện chính sách điều dưỡng của Trung ương.

5.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

- Thông báo số 722-TB/TU ngày 16/5/2017 của Thành ủy Hà Nội thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy, trong đó giao Ban cán sự Đảng UBND Thành phố chỉ đạo Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì nghiên cứu, đề xuất giải quyết chế độ điều dưỡng một năm một lần cho chiến sỹ cách mạng bị địch bắt, tù đày trên 80 tuổi đảm bảo các quy định chung và thực tiễn Thủ đô.

- Thông báo số 1206-TB/TU ngày 16/3/2018 của Thành uỷ Hà Nội thông báo kết luận của Thường trực Thành uỷ, trong đó giao Ban cán sự Đảng UBND Thành phố chỉ đạo Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính nghiên cứu, tham mưu việc thực hiện chế độ điều dưỡng cán bộ tại Khu Điều dưỡng cán bộ Hà Nội ở Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cho các Ban liên lạc nhà tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội, báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Thành uỷ, trình HĐND Thành phố.

- Từ năm 2013 đến 2018, các quận, huyện, thị xã và các Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công đã thực hiện điều dưỡng người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng với tổng kinh phí điều dưỡng hơn 355 tỷ đồng. Kinh phí bình quân hơn 58 tỷ đồng/năm (Nguồn kinh phí Trung ương ủy quyền).

- Căn cứ Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính

phủ quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.*

Hiện nay đa số người có công với cách mạng tuổi đã cao, có bề dày cống hiến được Đảng và Nhà nước công nhận có nguyện vọng được chăm sóc phục hồi sức khỏe, thực hiện điều dưỡng hằng năm. Để thể hiện sự tri ân, quan tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô đối với người có công với cách mạng; tạo điều kiện chăm lo tốt hơn đến đời sống người có công với cách mạng, việc Thành phố quy định chính sách đặc thù về chế độ điều dưỡng đối với người có công với cách mạng từ 80 tuổi trở lên hai năm một lần, trong năm không thực hiện chính sách điều dưỡng của Trung ương là rất cần thiết và thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

5.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội về chế độ điều dưỡng đối với người có công với cách mạng từ 80 tuổi trở lên hai năm một lần trong năm không thực hiện chính sách điều dưỡng của Trung ương.

b. Đối tượng áp dụng:

- Cha đẻ, mẹ đẻ của liệt sĩ; người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ; vợ hoặc chồng của liệt sĩ; con liệt sĩ bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng;

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

- Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật dưới 81%;

- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do ảnh hưởng của chất độc hóa học dưới 81%;

- Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày;

- Người có công giúp đỡ cách mạng trong kháng chiến đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

5.3. Đề xuất cụ thể

a) Mức chi điều dưỡng tại nhà: 1.110.000 đồng/người/lần;

b) Mức chi điều dưỡng tập trung: 2.490.000 đồng/người/lần, trong đó:

- Mức chi điều dưỡng: 2.220.000 đồng/người/lần, bao gồm tiền ăn, tiền thuốc, quà tặng đối tượng và chi khác (Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC).

- Các khoản chi phí về điện, nước phục vụ chung cho công tác điều dưỡng: 220.000 đồng/người/lần (Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC).

- Chi sách báo, văn hóa, văn nghệ: 50.000 đồng/người/lần (Hướng dẫn thực hiện dự toán kinh phí Pháp lệnh ưu đãi người có công hằng năm của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).

Khi chính sách của Trung ương về mức chi thay đổi thì chính sách đặc thù được áp dụng tương ứng.

5.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện: Ngân sách Thành phố hàng năm.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện hàng năm là 13.860 triệu đồng, trong đó:

- Điều dưỡng tại nhà: 8.880 triệu đồng

- Điều dưỡng tập trung: 4.980 triệu đồng.

5.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

(Chi tiết tại Tờ trình số 3567/TTrLS:LĐTBXH-TC ngày 31/10/2018 của liên Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội - Tài chính)

6. Quy định nội dung và mức tặng quà của thành phố Hà Nội tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên Đán; kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7 và Ngày Quốc khánh 02/9.

6.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Việc tặng quà cho các đối tượng chính sách xã hội; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các tổ chức và cá nhân tiêu biểu; cán bộ và đối tượng tại các trung tâm nuôi dưỡng, chữa trị tập trung trên địa bàn Thành phố nhân dịp Tết Nguyên Đán, Kỷ niệm Ngày Thương binh- Liệt sỹ 27/7 và Ngày Quốc khánh 02/9 là hoạt động diễn ra hàng năm thể hiện sự quan tâm của Thành phố đối với các đối tượng chính sách xã hội, người lao động khó khăn trên địa bàn.

Hàng năm, được sự đồng ý của Thường trực Thành ủy về mức chi tặng quà cho các đối tượng được hưởng chính sách và người lao động khó khăn nêu trên; trên cơ sở Tờ trình liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội – Tài chính; UBND Thành phố xin ý kiến Thường trực HĐND Thành phố làm cơ sở tổ chức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn.

Căn cứ Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.*

Căn cứ điểm e khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định biện pháp thực*

hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, biện pháp xóa đói, giảm nghèo.

Để chủ động trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến công tác thăm, tặng quà cho đối tượng vào các dịp Tết Nguyên Đán, Ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7 và Ngày Quốc khánh 02/9 trong năm; đồng thời để tặng quà đến các đối tượng được kịp thời; việc Thành phố ban hành *"Quy định nội dung và mức tặng quà của thành phố Hà Nội tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên Đán; kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7 và Ngày Quốc khánh 02/9"* là cần thiết và thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

6.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định nội dung và mức tặng quà của Thành phố tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên Đán; kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7 và Ngày Quốc khánh 02/9.

b. Đối tượng áp dụng

- Nhân dịp Tết Nguyên đán: các đối tượng hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các tổ chức tiêu biểu; các cá nhân tiêu biểu; cán bộ trực Tết Nguyên đán và đối tượng tại các trung tâm nuôi dưỡng, chữa trị tập trung trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế.

- Nhân dịp Kỷ niệm ngày Thương binh – Liệt sỹ 27/7: các đối tượng hưởng chính sách thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thân nhân gia đình liệt sỹ; các tổ chức tiêu biểu; các cá nhân tiêu biểu.

- Nhân dịp Kỷ niệm ngày Quốc khánh 02/9: người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945 (Lão thành cách mạng); người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày Khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 (Tiền khởi nghĩa); người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"; người trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"; các cá nhân tiêu biểu; các cơ sở cách mạng.

6.3. Đề xuất cụ thể

a. Nhân dịp Tết Nguyên đán:

- Mức quà tặng cho cá nhân: từ 200.000 đồng/người – 1.500.000 đồng/người (bao gồm quà tặng bằng tiền mặt và hiện vật).

Trường hợp 01 cá nhân thuộc các đối tượng người có công được tặng quà thì chỉ nhận 01 suất quà tặng của Thành phố.

- Mức quà tặng cho tổ chức tiêu biểu: từ 4.000.000 đồng/đơn vị - 16.000.000 đồng/đơn vị (bao gồm quà tặng bằng tiền mặt và hiện vật).

- Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi (bằng tiền mặt): 700.000 – 1.500.000 đồng/người tùy theo mốc tuổi thọ.

- Mức chi 2.500.000 đồng/suất (gồm túi quà 500.000 đồng, tiền mặt 2.000.000 đồng): gia đình người có công tiêu biểu (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 02 gia đình) và các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng bao gồm: các đồng chí lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, nhân sỹ, trí thức, gia đình chính sách, công nhân lao động, công dân ưu tú, gương người tốt việc tốt, hộ nghèo trên địa bàn Thành phố biểu (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 03 trường hợp).

- Mức chi (bằng tiền mặt) 100.000 đồng/người: Bổ sung thêm tiền ăn cho các đối tượng đang được tập trung chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế.

b. Nhân dịp Kỷ niệm ngày Thương binh – Liệt sỹ 27/7:

- Mức quà tặng cho cá nhân: từ 500.000 đồng/người – 1.000.000 đồng/người (bao gồm: quà tặng bằng tiền mặt và hiện vật).

Trường hợp 01 cá nhân thuộc các đối tượng người có công được tặng quà thì chỉ nhận 01 suất quà tặng của Thành phố.

- Mức quà tặng cho tổ chức tiêu biểu: từ 6.000.000 đồng/đơn vị - 11.000.000 đồng/đơn vị (bao gồm: quà tặng bằng tiền mặt và hiện vật).

- Mức chi 2.500.000 đồng/suất (trong đó: túi quà 500.000 đồng, tiền mặt 2.000.000 đồng): gia đình người có công tiêu biểu (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 02 gia đình) và các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng bao gồm: gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học tiêu biểu hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

c. Nhân dịp Kỷ niệm ngày Quốc khánh 02/9:

- Mức quà tặng cho cá nhân: 1.000.000 đồng/người.

Trường hợp 01 cá nhân thuộc các đối tượng người có công được tặng quà thì chỉ nhận 01 suất quà tặng của Thành phố.

- Mức chi 11.000.000 đồng/đơn vị (trong đó: túi quà 1.000.000 đồng, tiền mặt 10.000.000 đồng): Các cơ sở cách mạng do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng.

- Mức chi 2.500.000 đồng/suất (trong đó: túi quà 500.000 đồng, tiền mặt 2.000.000 đồng): Các cá nhân tiêu biểu là người có công thuộc đối tượng được tặng quà nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 02/9 do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng.

6.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện: Ngân sách Thành phố và ngân sách quận, huyện, thị xã theo phân cấp.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện tặng quà hàng năm dự kiến: 486.692 triệu đồng, Trong đó:

- Nguồn kinh phí cấp Thành phố: 412.582 triệu đồng.
- Nguồn kinh phí cấp huyện: 74.110 triệu đồng.

6.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

(Chi tiết tại Tờ trình số 3768/TTrLS:LĐTBXH-TC ngày 14/11/2018 của liên Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội - Tài chính)

7. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa.

7.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ làm việc tại Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa được hưởng chế độ lương và phụ cấp theo quy định của Trung ương. Những đối tượng này hàng ngày thường xuyên phải làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm, gây tổn hại sức khoẻ và rất dễ lây các bệnh truyền nhiễm khi tiếp xúc với các đối tượng bị nhiễm HIV/AIDS.

Để động viên những người làm việc tại các đơn vị này yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với đơn vị, làm tốt công tác phòng, chống ma túy, mại dâm, cai nghiện và quản lý sau cai, phòng chống HIV/AIDS, góp phần giữ vững tình hình an ninh – chính trị, trật tự an toàn – xã hội trên địa bàn Thành phố, UBND Thành phố đã có chính sách hỗ trợ phụ cấp đặc thù từ năm 2002. Hiện nay, các đơn vị đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 18/02/2014 của UBND Thành phố.

Căn cứ Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.*

Căn cứ điểm đ khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên.*

Như vậy, để tiếp tục thực hiện chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa

khoa Đống Đa, việc trình HĐND Thành phố ban hành *"Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa"* là cần thiết và thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

7.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa.

b. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để chi trả hỗ trợ cho công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

- Công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội

- Công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa.

7.3. Đề xuất cụ thể

a. Mức hỗ trợ đối với công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ - CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội: bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

a. Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ - CP làm việc tại Bệnh viện 09 và Khoa Truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa: bằng 1,25 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

7.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện: Ngân sách Thành phố hàng năm.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện (01 năm) là: 4.270 triệu đồng. Cụ thể:

- Kinh phí hỗ trợ cho công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội: 350 triệu đồng/năm.

- Kinh phí hỗ trợ đối công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa: 563 triệu đồng/năm.

- Kinh phí hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Bệnh viện 09: 3.357 triệu đồng/năm.

7.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

(Chi tiết tại Tờ trình số 3267/TTrLS:LĐTBXH-YT-TC ngày 05/11/2018 của liên Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội – Y tế - Tài chính)

8. Quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao

8.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Thực hiện Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07/11/2011 của liên Bộ: Tài chính - Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao.

Hiện nay, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao thay thế Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07/11/2011 của liên Bộ: Tài chính - Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính quy định: "*Căn cứ mức chi quy định tại Thông tư này và khả năng cân đối nguồn ngân sách của địa phương: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc địa phương quản lý (trong đó bao gồm cả đội tuyển cấp huyện) phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và đảm bảo theo quy định hiện hành*".

Vì vậy, việc trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao là cần thiết và đúng thẩm quyền.

8.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tham gia tập luyện, huấn luyện và thi đấu thuộc các đội tuyển sau đây: Đội tuyển cấp Thành phố; Đội tuyển trẻ cấp Thành phố; Đội tuyển năng khiếu các cấp.

b. Đối tượng áp dụng

- Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Hà Nội.

- Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao quận, huyện, thị xã trực thuộc Thành phố Hà Nội.

- Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang làm nhiệm vụ tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại Điều 37 Luật Thể dục thể thao.

8.3. Đề xuất cụ thể

a. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện:

- Tập luyện, huấn luyện ở trong nước:

+ Đội tuyển cấp Thành phố: 220.000 đồng/người/ngày

+ Đội tuyển trẻ cấp Thành phố: 175.000 đồng/người/ngày

+ Đội tuyển năng khiếu các cấp: 130.000 đồng/người/ngày.

- Trong thời gian tập luyện, huấn luyện ở nước ngoài: Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên áp dụng theo quy định hiện hành về việc chế độ chi tập huấn, tham dự giải, làm nhiệm vụ tại nước ngoài và thuê chuyên gia nước ngoài huấn luyện các đội tuyển thể thao Hà Nội. Trong thời gian tập luyện ở nước ngoài huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng chế độ quy định chế độ tập luyện, huấn luyện ở trong nước nêu trên.

b. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập trung thi đấu:

- Đội tuyển cấp Thành phố: 290.000 đồng/người/ngày

- Đội tuyển trẻ cấp Thành phố: 220.000 đồng/người/ngày

- Đội tuyển năng khiếu các cấp: 220.000 đồng/người/ngày.

c. Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với các huấn luyện viên, vận động viên khuyết tật khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập luyện, huấn luyện và thi đấu áp dụng theo mức chi quy định tại các nội dung (1), (2) nêu trên.

d. Trường hợp các giải thi đấu khác không do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương tổ chức mà do các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia đăng cai tổ chức, trong thời gian tập trung thi đấu, huấn luyện viên, vận động viên được hưởng mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng theo quy định của Điều lệ tổ chức giải. Kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng do đơn vị cử huấn luyện viên, vận động viên dự giải và các nguồn tài trợ đảm bảo.

8.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện

- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao các đội tuyển cấp Thành phố được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao giao hàng năm của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao thuộc đội tuyển năng khiếu cấp quận, huyện, thị xã được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao cấp quận, huyện, thị xã hàng năm.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng hàng năm là: 293.702 triệu đồng, trong đó:

- Cấp Thành phố là: 202.202 triệu đồng.

- Cấp quận, huyện, thị xã là: 91.500 triệu đồng.

8.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

(Chi tiết tại Tờ trình số 384/TTr-SVHTT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Sở Văn hóa và Thể thao)

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đồng chí PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở: TC, LĐTBXH, TP, YT;
- VPUB: CVP, PCVP V.T.Anh, Đ.H.Giang, KGVX, KT, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2018/NQ-HĐND	*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 7

(Từ ngày / /2018 đến ngày / /2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 35/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2018 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số ...../BC-HĐND ngày .../.../2018 của Ban Kinh tế và Ngân sách; Báo cáo giải

trình, tiếp thu số /BC-UBND ngày / /2018 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể

1. Quy định nội dung, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã *(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).*

2. Quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội *(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).*

3. Quy định nội dung chi, mức chi cho các kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do thành phố Hà Nội đăng cai tổ chức *(Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).*

4. Quy định mức hỗ trợ hàng năm đối với các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội *(Chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo).*

5. Quy định chế độ điều dưỡng đối với người có công với cách mạng từ 80 tuổi trở lên hai năm một lần, trong năm không thực hiện chính sách điều dưỡng của Trung ương *(Chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo).*

6. Quy định nội dung và mức tặng quà của thành phố Hà Nội tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên Đán; kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7 và Ngày Quốc khánh 02/9 *(Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo).*

7. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa *(Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo).*

8. Quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao *(Chi tiết tại Phụ lục số 08 kèm theo).*

Điều 2.

1. Các Quyết định của UBND Thành phố gồm: số 18/2012/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 quy định quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên của thành phố Hà Nội; số 1537/QĐ-UBND ngày 01/04/2011 về việc phê duyệt mức hỗ trợ hoạt động hàng năm của các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 10/2014/QĐ-UBND ngày 18/2/2014 quy định chế độ phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi y tế đối với cán bộ, viên chức làm việc tại Chi cục Phòng chống tệ nạn Xã hội; cán bộ, viên chức làm việc tại Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm bệnh viện Đống Đa; số 49/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao

thành tích cao; số Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND Thành phố về kinh phí, mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi hàng năm hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày /12/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTVQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

PHỤ LỤC 01

Quy định mức chi đảm bảo của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày tháng năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã.

Các khoản chi khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 35/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng:

Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã .

3. Mức chi cụ thể bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi của Thành phố (đồng)	
			Cấp Thành phố	Quận, huyện, thị xã
1	**Chi hỗ trợ hoạt động hàng tháng cho lãnh đạo Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban Tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã là đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước**			
a	***Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội***			
	- Chủ nhiệm	Hệ số	1,0 lần mức lương cơ sở	
	- Phó chủ nhiệm	Hệ số	0,8 lần mức lương cơ sở	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi của Thành phố (đồng)	
			Cấp Thành phố	Quận, huyện, thị xã
b	***Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam quận, huyện, thị xã***			
	- Trưởng ban	Hệ số		0,18 lần mức lương cơ sở
	- Phó Trưởng ban	Hệ số		0,12 lần mức lương cơ sở
2	**Mức chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản**			
	- Chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản	Văn bản hoặc báo cáo	500.000	300.000

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và quận, huyện, thị xã theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

PHỤ LỤC 02

Quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày tháng năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội.

Các nội dung khác về lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.

II. Đối tượng áp dụng:

- Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;

- Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc Thành phố; công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;

- Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

- Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố;

- Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Các đối tượng đào tạo bồi dưỡng khác theo Chương trình, Kế hoạch, Đề án được duyệt và văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

III. Giải thích từ ngữ:

- Cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức: là cơ quan được giao thẩm quyền tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng ngạch, nâng lương, cho thôi việc, nghỉ hưu, giải quyết chế độ, chính sách và khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng là cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức (cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thẩm quyền quản lý, phân công, bố trí, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức).

IV. Quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội:

STT	Nội dung chi	Mức chi
I	**NỘI DUNG CHI, MỨC CHI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CBCCVC Ở TRONG NƯỚC**	
I.1	**Đào tạo CBCCVC và đối tượng khác trong nước**	
I.1.1	***Các nội dung chi do cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo thực hiện***	
1	Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo:	Theo hoá đơn của cơ sở đào tạo nơi CBCCVC được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết
2	Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc	Căn cứ khả năng ngân sách được giao, căn cứ vào chứng từ, hóa đơn hợp pháp thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc cho đối tượng được cử đi đào tạo cho phù hợp.
3	Chi hỗ trợ các cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo	Theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc
I.1.2	***Các nội dung chi do cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo thực hiện***	
1	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ):	Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho CBCCVC được cử đi đào tạo các khoản chi phí nêu trên đảm bảo nguyên tắc: Các khoản chi hỗ trợ này không vượt quá mức chi hiện hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố
I.2	**Tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sử dụng nguồn đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC và đối tượng khác**	Thực hiện theo mức chi theo quy định hiện hành tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố
I.3	**Bồi dưỡng CBCCVC và đối tượng khác trong nước**	
I.3.1	***Các nội dung chi do các cơ sở bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng CBCCVC, giao nhiệm vụ biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng thực hiện***	

STT	Nội dung chi	Mức chi
I	*Chi thù lao giảng viên (đã bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng)*	Một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học
a	Giảng viên trong nước:	
	* Giảng viên, báo cáo viên là Bí thư Thành ủy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND và UBND Thành phố và các chức danh tương đương.	2.000.000 đồng/người/buổi
	* Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Ủy viên Ban Thường vụ Thành uỷ, Phó chủ tịch HĐND và UBND Thành phố và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; giảng viên cao cấp; chuyên viên cao cấp; Tiến sỹ khoa học.	1.600.000 đồng/người/buổi
	* Giảng viên, báo cáo viên là Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính.	1.200.000 đồng/người/buổi
	* Giảng viên, báo cáo viên còn lại là CBCCVC công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên)	1.000.000 đồng/người/buổi
	* Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ công chức cấp huyện thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý	1.000.000 đồng/người/buổi
	* Giảng viên, báo cáo viên còn lại là CBCCVC công tác tại các đơn vị từ cấp huyện trở xuống (ngoài đối tượng ở cấp huyện nêu trên)	600.000 đồng/người/buổi
	* Giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	
	- Giảng viên cơ sở đào tạo thuộc Trường Chính trị tỉnh, thành phố:	Không áp dụng mức tính thù lao giảng viên theo buổi. Số giờ giảng vượt định mức được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp học do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn được hưởng theo chế độ thù lao giảng viên theo quy định.
	- Giảng viên cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quận, huyện, thị xã	

STT	Nội dung chi	Mức chi
b	Giảng viên nước ngoài	- Đối với các lớp đào tạo bồi dưỡng sử dụng nguồn ngân sách nhà nước; nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Trường hợp mức chi thù lao cho giảng viên nước ngoài không vượt quá mức chi tối đa là 2.000.000 đồng/người/buổi, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức thù lao đối với giảng viên nước ngoài trên cơ sở thoả thuận tuỳ theo chất lượng giảng viên; Trường hợp mức chi thù lao giảng viên nước ngoài cao hơn mức 2.000.000 đồng/người/buổi, trên cơ sở đề xuất mức chi của các giảng viên, cơ quan được giao mở lớp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ tham mưu UBND Thành phố xin ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố đối với từng trường hợp cụ thể làm cơ sở triển khai thực hiện. - Đối với các lớp đào tạo bồi dưỡng còn lại ngoài các lớp trên: cơ quan chủ trì mở lớp hoặc cơ sở đào tạo quyết định mức chi thù lao giảng viên nước ngoài trên cơ sở thoả thuận tuỳ theo chất lượng giảng viên và bảo đảm phù hợp với khả năng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị.
2	*Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên*	Thực hiện theo mức chi theo quy định hiện hành tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố Áp dụng trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê
3	*Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên:*	Tuỳ theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố

STT	Nội dung chi	Mức chi
4	*Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố và các đối tượng khác trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo*	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung: 70.000 đồng/ngày/học viên. Không hỗ trợ trong trường hợp học viên chỉ tham gia học nửa ngày
5	*Chi hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng là cán bộ phụ trách thiếu nhi thành đoàn Viêng Chăn - Lào và học sinh học nội trú tại Trường đội Lê Duẩn*	- 120.000 đồng/người/ngày cho học sinh. - 150.000 đồng/người/ngày cho cán bộ phụ trách thiếu nhi thành đoàn Viêng Chăn – Lào
6	*Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố và các đối tượng khác trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo*	Các khoản chi hỗ trợ này không vượt quá mức chi công tác phí hiện hành theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố, và thanh toán không trùng lặp nhiều lần đối với một đối tượng thụ hưởng, do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC chi
7	*Chi nước uống phục vụ lớp học*	Áp dụng mức chi nước uống tổ chức các cuộc hội nghị theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố
8	*Chi dịch thuật*	Thực hiện mức chi dịch thuật hiện hành quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước
9	*Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi*	Áp dụng mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT/BTC-BGDDT ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện quy đổi thời gian ra giờ chuẩn theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

STT	Nội dung chi	Mức chi
10	*Các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học:*	Các khoản chi phí thực tế nêu trên khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hoá đơn theo quy định. Đối với các khoản chi thuê phòng học, thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy phải có hợp đồng, hoá đơn theo quy định; trong trường hợp mượn cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.
a	Chi thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác....)	
b	Chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi in và cấp chứng chỉ	
c	Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên	
d	Văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, ... phục vụ lớp học	
11	*Chi phí cho việc tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế*	Chỉ áp dụng cho các lớp có thời gian học từ 03 tháng trở lên hoặc đối với các lớp có thời gian đi học tập nghiên cứu thực tế được quy định trong chương trình học được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
a	Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên và giáo viên chủ nhiệm, giáo viên đồng chủ nhiệm, cán bộ quản lý lớp học (nếu có) đi khảo sát, thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế
b	Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên và giáo viên chủ nhiệm, giáo viên đồng chủ nhiệm, cán bộ quản lý lớp học của các Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện, thị xã (nếu có) trong những ngày đi thực tế	Do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ phù hợp với mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố
12	*Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng*	Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính, các cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn chương trình, giáo trình quyết định mức chi cho phù hợp với từng chương trình đào tạo, bồi dưỡng
13	*Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc*	Căn cứ khả năng nguồn kinh phí, căn cứ số lượng học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc của từng lớp, cơ sở đào tạo được quyết định chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc theo mức tối đa không quá 200.000 đồng/học viên

STT	Nội dung chi	Mức chi
14	*Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng CBCCVC của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng (Chi công tác phí cho cán bộ quản lý lớp của cơ sở đào tạo (nếu có); chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có) và các khoản chi khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học (nếu có)*	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ quan tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được phép trích tối đa không quá 10% trên tổng kinh phí của mỗi lớp học và được tính trong phạm vi nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được phân bổ để chi phí cho các nội dung chi quy định tại Điểm 1 Khoản I.1.1 Mục I.1 Phần I Nghị quyết này; Kinh phí phục vụ quản lý lớp học không chi hết, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan tổ chức lớp bồi dưỡng được chủ động sử dụng cho các nội dung khác có liên quan phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan tổ chức lớp bồi dưỡng CBCCVC có trách nhiệm quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ về định mức chi quản lý và sử dụng khoản kinh phí quản lý lớp học đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước
I.3.2	***Các nội dung chi do cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng thực hiện***	
1	*Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung*	Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học chi hỗ trợ phù hợp với mức chi hiện hành về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố. Không hỗ trợ trong trường hợp học viên chỉ tham gia học nửa ngày
2	*Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết nguyên đán); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)*	Các khoản chi hỗ trợ này không vượt quá mức chi công tác phí hiện hành theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố, và thanh toán không trùng lặp nhiều lần đối với một đối tượng thụ hưởng
3	*Chi hỗ trợ các cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi bồi dưỡng*	Theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc do cơ quan, đơn vị cử CBCCVC đi bồi dưỡng thực hiện

STT	Nội dung chi	Mức chi
4	*Chi phí đào tạo, bồi dưỡng (trong trường hợp cơ quan đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC nhưng không có cơ sở đào tạo, không có điều kiện tổ chức lớp phải gửi cán bộ đi đào tạo ở các cơ quan đơn vị)*	- Chi phí bồi dưỡng theo hợp đồng dịch vụ do cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ký kết với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; - Tiền mua giáo trình, tài liệu học tập bắt buộc và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo hoá đơn thu tiền của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.
I.3.3	***Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của các Sở, ngành, quận, huyện, thị xã***	
1	*Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; đi công tác để kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng*	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố
2	*Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng*	Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố
3	*Chi văn phòng phẩm, các chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC*	Căn cứ chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành
II	**NỘI DUNG CHI, MỨC CHI ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CBCCVC Ở NƯỚC NGOÀI**	
1	*Chi phí dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng phải trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ*	Theo thông báo hoặc hoá đơn học phí của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nơi CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc chứng từ, hoá đơn hợp pháp do cơ sở dịch vụ ở nước ngoài ban hành hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết
2	*Chi học phí và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở dịch vụ ở nước ngoài:*	Theo thông báo hoặc hoá đơn học phí của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nơi CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc chứng từ, hoá đơn hợp pháp do cơ sở dịch vụ ở nước ngoài ban hành hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết
3	*Chi mua bảo hiểm y tế trong thời gian học tập ở nước ngoài*	Theo thông báo hoặc hoá đơn Bảo hiểm y tế bắt buộc của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nơi CBCC được cử đi đào tạo và không vượt mức Bảo hiểm y tế tối thiểu áp dụng chung cho lưu học sinh nước ngoài ở nước sở tại

STT	Nội dung chi	Mức chi
4	*Chi phí cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu*	Thực hiện mức chi dịch thuật hiện hành quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước
5	*Chi phí cho công tác tổ chức lớp học (Khảo sát, đàm phán, xây dựng chương trình học tập với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài...)*	Theo chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ, hoá đơn hợp pháp
6	*Chi phí ăn và tiêu vặt, ở, đi lại, lệ phí sân bay, chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh (hộ chiếu, visa)*	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí

V. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, các đối tượng bổ sung theo đặc thù của Thành phố và các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật

VI. Tổ chức thực hiện:

Trường hợp các văn bản trích dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

PHỤ LỤC 03

Quy định nội dung chi, mức chi cho các kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do thành phố Hà Nội đăng cai tổ chức

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày tháng năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi, mức chi cho các kỳ thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do thành phố Hà Nội đăng cai tổ chức.

- Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức kỳ thi.

2. Nội dung chi, mức chi cụ thể

TT	Nội dung chi	Mức chi
1	Chi tổ chức đón tiếp các đoàn, khách mời quốc tế tham dự kỳ thi	
1.1	Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế (các nội dung thanh toán được tính theo số người và số ngày thực tế ăn, ở trong thời gian diễn ra kỳ thi, tối đa không vượt quá tổng quy mô và thời gian tổ chức kỳ thi)	
	Mức tiền ăn, nghỉ cho trưởng đoàn trong thời gian diễn ra kỳ thi	2.800.000 đồng/người/ngày
	Mức tiền ăn, nghỉ cho phó trưởng đoàn; quan sát viên (đã đóng lệ phí) trong thời gian diễn ra kỳ thi	2.100.000 đồng/người/ngày
	Mức tiền ăn, nghỉ cho thí sinh trong thời gian tham dự kỳ thi	900.000 đồng/người/ngày
	Chi tổ chức 03 buổi tiệc chiêu đãi (một buổi chiêu đãi nhân khai mạc, một buổi chiêu đãi sau khi thi xong, một buổi chiêu đãi khi kết thúc kỳ thi)	1.200.000 đồng/người/3 cuộc chiêu đãi
1.2	Chi tổ chức hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; các quy định hiện hành của thành phố Hà Nội.
2	Chi tổ chức ăn, nghỉ cho các cán bộ là người Việt Nam làm việc trực tiếp với người nước ngoài tại	

TT	Nội dung chi	Mức chi
2	cùng một địa điểm (theo yêu cầu của Ban tổ chức) trong thời gian chính thức tổ chức kỳ thi	
2.1	Đối với cán bộ phía Việt Nam tham gia làm việc trực tiếp với người nước ngoài tại cùng một địa điểm theo yêu cầu bảo mật và đặc thù của kỳ thi (chi theo thực tế phát sinh)	2.100.000 đồng/người/ngày
2.2	Đối với cán bộ, thư ký, phụ trách viên, do yêu cầu của công việc được Ban tổ chức bố trí ăn nghỉ cùng với nơi của học sinh dự thi trong quá trình tổ chức thi (chi theo thực tế phát sinh)	900.000 đồng/người/ngày
3	Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban; các cuộc họp và làm việc của Hội đồng thi, dịch đề, thảo luận điểm với các đoàn trong thời gian diễn ra kỳ thi	Thực hiện theo quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội tại Nghị quyết 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.
4	Chi tổ chức các lớp tập huấn đội ngũ cán bộ chuyên môn (gồm cán bộ làm công tác đề thi, cán bộ chấm thi, coi thi, kỹ thuật viên, thư ký, phụ trách viên) bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ đúng quy định của Quy chế thi	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các quy định hiện hành của thành phố Hà Nội.
5	Chi bồi dưỡng đội ngũ phụ trách viên, tình nguyện viên phục vụ các đoàn tham dự kỳ thi (thực hiện thanh toán theo ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức kỳ thi)	100.000 đồng/người/ngày
6	Chi tổ chức soạn thảo đề thi, coi thi, chấm thi	
6.1	Chi cho công tác tổ chức soạn thảo đề thi (gồm cả đề đề xuất, đề chính thức và đề dự bị)	
a	Chi bồi dưỡng tác giả ra đề thi đề xuất đạt yêu cầu của Ban Chuyên môn	6.000.000 đồng/bài lý thuyết; 15.000.000 đồng/bài thực hành
	Chi làm đề thi: - Đối với các đề thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt sử dụng làm đề chuẩn bị cho kỳ thi	15.000.000 đồng/một bài thi lý thuyết; 20.000.000 đồng/một

TT	Nội dung chi	Mức chi
b	- Đối với các đề thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đưa ra trình bày trước Hội đồng thi	bài thi thực hành 120.000.000 đồng/một bài thi lý thuyết; 135.000.000 đồng/một bài thi thực hành
c	Chi phản biện đề thi: - Đối với đề chuẩn bị - Đối với các đề thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đưa ra trình bày trước Hội đồng thi	 1.000.000 đồng/một bài lý thuyết; 1.500.000 đồng/một bài thi thực hành 6.000.000 đồng/một bài thi lý thuyết; 9.000.000 đồng/một bài thi thực hành
6.2	Chi cho công tác coi thi, chấm thi (các mức thanh toán được áp dụng đối với các đối tượng có tên trong danh sách đã được Trưởng Ban Tổ chức kỳ thi phê duyệt và cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức kỳ thi. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất)	
a	Bồi dưỡng cán bộ chấm thi (vòng thi lý thuyết, vòng thi thực hành)	2.500.000 đồng/người/vòng thi
b	Bồi dưỡng các cán bộ trực tiếp tham gia làm công tác sao in và vào bì bài thi (thực hiện theo mức khoán)	36.000.000 đồng cho cả đợt thi
c	Bồi dưỡng cán bộ coi thi	200.000 đồng/người/ngày
d	Chi hỗ trợ nước uống cho cán bộ trực tiếp tham gia thảo luận đề thi và chấm thi trong thời gian diễn ra kỳ thi	100.000 đồng/người/ngày
e	Chi hỗ trợ nước uống và ăn giữa giờ cho học sinh trong thời gian thi	30.000 đồng/người/ngày
g	Chi bồi dưỡng cán bộ được Ban tổ chức phân công làm việc trực tiếp với các trưởng đoàn, phó trưởng đoàn trong các buổi thảo luận kết quả chấm điểm	500.000 đồng/người/buổi
h	Chi bồi dưỡng chuyên gia máy tính được Ban tổ chức phân công trực tiếp phục vụ Hội đồng thi, thư ký phục vụ Ban chuyên môn trong thời gian làm việc tại Hội đồng thi	300.000 đồng/người/ngày
6.3	Kinh phí đi lại của các cán bộ soạn thảo đề thi, chấm thi là người ở các địa phương khác có tên trong danh sách được Ban Tổ chức mời làm nhiệm vụ tại địa điểm tổ chức kỳ thi được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí.	
	Trong trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia nước ngoài tham gia vào công tác ra	

TT	Nội dung chi	Mức chi
6.4	đề thi, chấm thi: Trưởng Ban Tổ chức theo thẩm quyền quyết định các nội dung chi (tiền ăn, nghỉ, thù lao, vé máy bay) theo hợp đồng thỏa thuận ký kết với chuyên gia nước ngoài, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.	
7	Chi tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ và tham quan cho các đoàn tham gia	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; các quy định hiện hành của thành phố Hà Nội.
8	Đối với các nội dung chi về thuê phương tiện đi lại, thuê phòng chờ tại sân bay, thuê chỗ ở cho học sinh và cán bộ; thuê địa điểm phục vụ các cuộc họp, hội nghị, các buổi thi, địa điểm tổ chức Lễ khai mạc, bế mạc; thuê các dịch vụ kỹ thuật, công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của kỳ thi (trong trường hợp cơ sở vật chất của các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức kỳ thi không có hoặc chưa đáp ứng được theo tiêu chuẩn quy định của Quy chế kỳ thi); chi tổ chức các hoạt động về vận động tài trợ, thông tin, tuyên truyền, đảm bảo an ninh, y tế trong thời gian diễn ra kỳ thi; chi hỗ trợ cải tạo, sửa chữa để chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thi lý thuyết, thực hành của kỳ thi; chi mua sắm các vật tư, văn phòng phẩm, thiết bị thí nghiệm phục vụ công tác xây dựng đề thi lý thuyết và thực hành phù hợp với yêu cầu của kỳ thi; các nội dung chi khác phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức kỳ thi: Thực hiện theo Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.	
	Để phù hợp với yêu cầu đặc thù của kỳ thi, việc mua hay thuê thiết bị, dụng cụ thí nghiệm phục vụ ra đề thi, chế thử, đặt hàng sản xuất thiết bị cho học sinh làm bài thi thực hành, thuê địa điểm thi, làm đề thi, chấm thi do Trưởng Ban Tổ chức kỳ thi quyết định lựa chọn cho phù hợp với các quy định về chỉ định thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Nhà nước, đảm bảo hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình; đồng thời phải đảm bảo chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.	
9	Chi phần thưởng cho học sinh đạt giải	
9.1	Mức chi thưởng cho học sinh Việt Nam đạt giải (bao gồm cả chi phần thưởng bằng hiện vật và tiền thưởng) thực hiện theo quy định tại Quyết định số 158/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi học sinh, sinh viên giỏi, Olympic quốc gia, Olympic quốc tế, kỹ năng nghề quốc gia và kỹ năng nghề quốc tế.	
9.2	Không thực hiện chi thưởng bằng tiền mặt cho học sinh nước ngoài đạt giải. Trưởng Ban Tổ chức kỳ thi quyết định phần thưởng bằng hiện vật cho các học sinh nước ngoài đạt giải trên tinh thần tiết kiệm và mang ý nghĩa kỷ niệm. Việc mua phần thưởng bằng hiện vật thực hiện theo Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	

Trường hợp các văn bản trích dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách Nhà nước cấp.

- Nguồn thu từ các quan sát viên quốc tế, đoàn đi thêm (nếu có) được thực hiện theo Điều lệ của các kỳ thi.

- Các khoản đóng góp, ủng hộ tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước.

PHỤ LỤC 04

Quy định mức hỗ trợ hàng năm đối với các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày tháng năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động hàng năm của Đại diện các Ban liên lạc tù chính trị thành phố Hà Nội; mức hỗ trợ kinh phí hàng năm, các năm chẵn và năm tròn đối với các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Đối tượng áp dụng

- Ban Đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đày Thành phố Hà Nội.

- Các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội (14 Ban), bao gồm: Nhà tù Côn Đảo; Nhà tù Sơn La; Nhà tù Khám lớn Sài Gòn; Nhà tù Hỏa Lò; Nhà tù Nhà Tiền; Nhà tù Thanh Liệt; Nhà tù Nhà Rượu Gia Lâm; Nhà tù Sở Mật thám; Nhà tù Quảng Nam Đà Nẵng; Nhà tù Thừa Thiên Huế; Nhà tù Hanh Thông Tây; Nhà tù Cam Ranh; Nhà tù Phú Quốc; Nhà tù căng 41.

2. Mức hỗ trợ kinh phí:

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Đại diện các chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày thành phố Hà Nội, mức hỗ trợ: 30.000.000 đồng/năm.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của các Ban liên lạc tù chính trị Hà Nội, mức hỗ trợ: 500.000 đồng/hội viên/năm.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của các Ban liên lạc tù chính trị tổ chức kỷ niệm vào các các năm chẵn và năm tròn, mức chi: 100.000 đồng/hội viên (ngoài mức hỗ trợ hàng năm cho hoạt động của các hội viên Ban liên lạc tù chính trị)

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách Thành phố.

PHỤ LỤC 05

Quy định chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội về chế độ điều dưỡng đối với người có công với cách mạng từ 80 tuổi trở lên thực hiện hai năm một lần, trong năm không thực hiện chính sách điều dưỡng của Trung ương

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày tháng năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Quy định chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội về chế độ điều dưỡng đối với người có công với cách mạng từ 80 tuổi trở lên hai năm một lần, trong năm không thực hiện chính sách điều dưỡng của Trung ương.

b) Đối tượng áp dụng:

Đối tượng được hưởng chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe hai năm một lần theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC gồm:

- Cha đẻ, mẹ đẻ của liệt sĩ; người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ; vợ hoặc chồng của liệt sĩ; con liệt sĩ bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng;

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

- Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật dưới 81%;

- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do ảnh hưởng của chất độc hóa học dưới 81%;

- Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày;

- Người có công giúp đỡ cách mạng trong kháng chiến đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

2. Mức chi thực hiện điều dưỡng:

a) Mức chi điều dưỡng tại nhà: 1.110.000 đồng/người/lần;

b) Mức chi điều dưỡng tập trung: 2.490.000 đồng/người/lần, trong đó:

- Mức chi điều dưỡng: 2.220.000 đồng/người/lần, bao gồm tiền ăn, tiền thuốc, quà tặng đối tượng và chi khác.

- Các khoản chi phí về điện, nước phục vụ chung cho công tác điều dưỡng: 220.000 đồng/người/lần.

- Chi sách báo, văn hóa, văn nghệ: 50.000 đồng/người/lần.

Khi chính sách của Trung ương về mức chi thay đổi thì chính sách đặc thù được áp dụng tương ứng.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách Thành phố.

PHỤ LỤC 06

Quy định nội dung và mức tặng quà của thành phố Hà Nội tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên Đán; kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7 và Ngày Quốc khánh 02/9

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày tháng năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định nội dung và mức tặng quà của Thành phố tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên Đán; kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7 và Ngày Quốc khánh 02/9"; cụ thể:

- Nhân dịp Tết Nguyên đán: các đối tượng hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các tổ chức tiêu biểu; các cá nhân tiêu biểu; cán bộ trực Tết Nguyên đán và đối tượng tại các trung tâm nuôi dưỡng, chữa trị tập trung trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế.

- Nhân dịp Kỷ niệm ngày Thương binh – Liệt sỹ 27/7: các đối tượng hưởng chính sách thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thân nhân gia đình liệt sỹ; các tổ chức tiêu biểu; các cá nhân tiêu biểu.

- Nhân dịp Kỷ niệm ngày Quốc khánh 02/9: người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945 (Lão thành cách mạng); người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày Khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 (Tiền khởi nghĩa); người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"; người trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"; các cá nhân tiêu biểu; các cơ sở cách mạng.

2. Nội dung và mức tặng quà

a/ Nhân dịp Tết Nguyên Đán:

(1) Mức quà (bằng tiền mặt) 1.000.000 đồng/người: Bà mẹ Việt nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên; Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành cách mạng); Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Tiền khởi nghĩa); Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận); Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (Bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi); Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Người hoạt động kháng chiến bị

nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.

Trường hợp 01 cá nhân thuộc các đối tượng người có công nêu trên thì chỉ nhận 01 suất quà tặng của Thành phố.

(2) Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà); Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ -TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

(3) Mức quà (bằng tiền mặt) 300.000 đồng/người: Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

(4) Mức quà (bằng tiền mặt) 300.000 đồng/hộ: Hộ nghèo

(5) Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi (bằng tiền mặt):

- 1.200.000 đồng/người: Người cao tuổi trên 100 tuổi;

- 1.500.000 đồng/người (đã bao gồm 5 mét vải lụa): Người cao tuổi tròn 100 tuổi;

- 1.000.000 đồng/người: Người cao tuổi tròn 90, 95 tuổi;

- 700.000 đồng/người: Người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85.

(6) Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn lao động thành phố Hà Nội).

(7) Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng).

(8) Các tổ chức tiêu biểu:

- Mức chi 16.000.000 đồng (trong đó túi quà 1.000.000 đồng, tiền mặt 15.000.000 đồng): Trường giáo dưỡng Bộ Công an – Ninh Bình;

- Mức chi 11.500.000 đồng (trong đó túi quà 1.500.000 đồng, tiền mặt 10.000.000 đồng): các đơn vị do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng bao gồm: Khu điều dưỡng cán bộ tại Đại Lải; Câu lạc bộ Thăng Long; Ban đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày thành phố Hà Nội; Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội, đại diện 01 trung tâm bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

- Mức chi 11.000.000 đồng (trong đó túi quà 1.000.000 đồng, tiền mặt 10.000.000 đồng): UBND huyện Thanh Thủy - tỉnh Phú Thọ;

- Mức chi 6.000.000 đồng/đơn vị (trong đó túi quà 1.000.000 đồng, tiền mặt 5.000.000 đồng): Các trung tâm nuôi dưỡng người có công các tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng (7 đơn vị); Làng Hữu nghị Việt Nam; Ban phục vụ lễ tang Hà Nội; Hội nạn nhân chất độc da cam Thành phố; Hội Cựu thanh niên xung phong Thành phố; các đơn vị nuôi dưỡng, điều dưỡng đối tượng chính sách xã hội tập trung và các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu của thương bệnh binh trên địa bàn Thành phố;

- Mức chi 4.000.000 đồng/đơn vị (trong đó túi quà 1.000.000 đồng, tiền mặt 3.000.000 đồng): Ban quản lý các nghĩa trang của Thành phố (Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Nhổn, Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi, Ban quản lý nghĩa trang Mai Dịch); Hội người khuyết tật; các trung tâm phục hồi chức năng; các cơ sở bảo trợ xã hội và các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng trên 30% lao động là người khuyết tật trên địa bàn Thành phố.

(9) Mức chi 2.500.000 đồng/suất (trong đó túi quà 500.000 đồng, tiền mặt 2.000.000 đồng): gia đình người có công tiêu biểu (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 02 gia đình) và các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng bao gồm: các đồng chí lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, nhân sỹ, trí thức, gia đình chính sách, công nhân lao động, công dân ưu tú, gương người tốt việc tốt, hộ nghèo trên địa bàn Thành phố (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 03 trường hợp).

(10) Mức chi (bằng tiền mặt) 200.000 đồng/người: Bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp trong các ngày Tết tại các Trung tâm chữa trị và nuôi dưỡng đối tượng xã hội tập trung trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế.

(11) Mức chi (bằng tiền mặt) 100.000 đồng/người: Bổ sung thêm tiền ăn cho các đối tượng đang được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung trong những ngày Tết tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế.

b/ Nhân dịp Kỷ niệm ngày Thương binh – Liệt sỹ 27/7:

(1) Mức chi (bằng tiền mặt) 1.000.000 đồng/người: Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên; Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (Bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi); Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học đang hưởng trợ cấp.

Trường hợp 01 cá nhân thuộc các đối tượng người có công nêu trên thì chỉ nhận 01 suất quà tặng của Thành phố.

(2) Mức chi (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà).

(3) Các tổ chức tiêu biểu:

- Mức chi 11.000.000 đồng/đơn vị (trong đó túi quà 1.000.000 đồng, tiền mặt 10.000.000 đồng): Làng Hữu nghị Việt Nam; các trung tâm nuôi dưỡng người có công các tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng (7 đơn vị); Hội nạn nhân chất độc da cam Thành phố; Ban phục vụ

lễ tang Hà Nội; Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội; các đơn vị nuôi dưỡng điều dưỡng người có công; các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu của thương bệnh binh trên địa bàn Thành phố;

- Mức chi 6.000.000 đồng/đơn vị (trong đó túi quà 1.000.000 đồng, tiền mặt 5.000.000 đồng): Ban quản lý các nghĩa trang của Thành phố (Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Nhổn, Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi, Ban quản lý nghĩa trang Mai Dịch).

(4) Mức chi 2.500.000 đồng/suất (trong đó túi quà 500.000 đồng, tiền mặt 2.000.000 đồng): Gia đình người có công tiêu biểu (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 02 gia đình) và các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng bao gồm: gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học tiêu biểu hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

c/ Nhân dịp Kỷ niệm ngày Quốc khánh 02/9:

(1) Mức chi (bằng tiền mặt): 1.000.000 đồng/người:Người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945 (Lão thành cách mạng); Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Tiền khởi nghĩa); Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"; Người trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" (nếu người đứng tên trong kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã chết thì vợ, chồng hoặc con được tặng quà).

Trường hợp 01 cá nhân thuộc các đối tượng người có công nêu trên thì chỉ nhận 01 suất quà tặng của Thành phố.

(2) Mức chi 11.000.000 đồng/đơn vị (trong đó túi quà 1.000.000 đồng, tiền mặt 10.000.000 đồng): Các cơ sở cách mạng do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng.

(3) Mức chi 2.500.000 đồng/suất (trong đó túi quà 500.000 đồng, tiền mặt 2.000.000 đồng): Các cá nhân tiêu biểu là người có công thuộc đối tượng được tặng quà nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 02/9 do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng.

3. Nguồn kinh phí: Từ ngân sách Thành phố và ngân sách quận, huyện, thị xã theo phân cấp.

PHỤ LỤC 07

Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày tháng năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa.

b. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để chi trả hỗ trợ cho công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

- Công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội

- Công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa.

2. Mức hỗ trợ kinh phí:

a. Mức hỗ trợ đối với công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội: bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b. Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Bệnh viện 09 và Khoa Truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa: bằng 1,25 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

3. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách Thành phố.

PHỤ LỤC 08

Quy định quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày tháng năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tham gia tập luyện, huấn luyện và thi đấu thuộc các đội tuyển sau đây:

- Đội tuyển cấp Thành phố.

- Đội tuyển trẻ cấp Thành phố.

- Đội tuyển năng khiếu các cấp.

2. Đối tượng áp dụng:

- Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Hà Nội.

- Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao quận, huyện, thị xã trực thuộc Thành phố Hà Nội.

- Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang làm nhiệm vụ tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại Điều 37 Luật Thể dục thể thao.

3. Mức chi cụ thể như sau:

3.1. Đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện:

a) Tập luyện, huấn luyện ở trong nước: Là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt thực tế tập trung tập luyện, huấn luyện theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức chi cụ thể như sau:

STT	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển	Mức ăn hàng ngày (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển cấp Thành phố	220.000
2	Đội tuyển trẻ cấp Thành phố	175.000
3	Đội tuyển năng khiếu các cấp	130.000

b) Trong thời gian tập luyện, huấn luyện ở nước ngoài: Là số ngày thực tế theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền trên cơ sở thư mời hoặc hợp đồng đạo tạo, tập luyện được ký kết giữa cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo huấn luyện viên, vận động viên thể thao ở trong nước với nước ngoài. Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên áp dụng theo quy định hiện hành về việc chế độ chi tập huấn, tham dự giải, làm nhiệm vụ tại nước ngoài và thuê chuyên gia nước ngoài huấn luyện các đội tuyển thể thao Hà

Nội. Trong thời gian tập luyện ở nước ngoài huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng chế độ quy định chế độ tập luyện, huấn luyện ở trong nước nêu tại Điểm a nêu trên.

3.2. Đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập trung thi đấu:

STT	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển	Mức ăn hàng ngày (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển cấp Thành phố	290.000
2	Đội tuyển trẻ cấp Thành phố	220.000
3	Đội tuyển năng khiếu các cấp	220.000

3.3. Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với các huấn luyện viên, vận động viên khuyết tật khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập luyện, huấn luyện và thi đấu áp dụng theo mức chi quy định tại các Khoản 3.1 và 3.2 nêu trên.

3.4. Trường hợp các giải thi đấu khác không do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương tổ chức mà do các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia đăng cai tổ chức, trong thời gian tập trung thi đấu, huấn luyện viên, vận động viên được hưởng mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng theo quy định của Điều lệ tổ chức giải. Kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng do đơn vị cử huấn luyện viên, vận động viên dự giải và các nguồn tài trợ đảm bảo.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao các đội tuyển cấp Thành phố được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao giao hàng năm của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao thuộc đội tuyển năng khiếu cấp huyện được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao cấp huyện hàng năm.